

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 9 - 2022
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thanh Xuân

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Cương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Văn Thị Dung – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm: 1978, địa chỉ cư trú: Ấp B, thị trấn D, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1979, địa chỉ cư trú: Ấp B, thị trấn D, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: bà với ông Nguyễn Văn Đ tiến đến hôn nhân vào khoảng năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, chung sống đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Trong cuộc sống hôn nhân thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân ông Đ không lo làm ăn, thích cờ bạc gây nên nợ nần bà và con bà phải trả nợ thay nhưng tánh nào tật nấy, không có nghĩa vụ với gia đình, mặc dù nhiều lần khuyên răn nhưng ông Đ vẫn không sửa đổi, tính tình không hợp nhau và bà không còn tình cảm với ông Đ, hiện tại cũng đã sống ly thân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 03 người con chung gồm Nguyễn Nhật L (nam), sinh ngày 12/6/1997, Nguyễn Thị T (nữ), sinh ngày 12/6/2001 và Nguyễn Tấn M (nam), sinh ngày 12/7/2012. Đối với Nguyễn Nhật L và Nguyễn Thị T đã thành niên đủ khả năng nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với Nguyễn Tấn M hiện

tại đang sống chung với bà nên khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian tiến tới hôn nhân, con chung, còn nguyên nhân mâu thuẫn là do ông hiện nay sức khỏe yếu, đi làm không có tiền nên vợ con khi dễ dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc và đã ly thân nhau, bà H muốn ly hôn ông cũng đồng ý nhưng bà H phải chia tài sản chung cho ông.

Về con chung: hai con lớn là L, T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với Nguyễn Tấn M hiện tại do bà H nuôi dưỡng nhưng cách giáo dục con của bà H không tốt nên tại phiên tòa ông muốn được quyền nuôi con chung Nguyễn Tấn M, còn nếu pháp luật quy định xét theo nguyện vọng của con thì ông cũng đồng ý để bà H nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có 01 căn nhà xây dựng trên đất của cha mẹ vợ là ông Trần Văn O, bà Võ Thị G cho nhưng chưa được tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà và đất giá trị khoảng 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), tại phiên tòa ông yêu cầu chia cho ông nhận giá trị 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), ông đề nghị Tòa án xét xử chia tài sản trước cho ông, khi được chia có tiền thì ông sẽ đóng tạm ứng án phí, lệ phí sau vì hiện tại ông đi làm công nhân lương thấp không có tiền để đóng tạm ứng án phí và chi phí tố tụng.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án; các đương sự chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án nhận thấy hôn nhân giữa bà H và ông Đ có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho bà H được ly hôn với ông Đ. Có 03 con chung, trong đó 02 con đã trưởng thành, còn Nguyễn Tấn M sinh ngày 12/7/2012 có nguyện vọng sống với bà H, bà Hiện có yêu cầu được nuôi cháu Đạt nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đạt cho bà H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên ông Đ không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung: đề nghị không giải quyết; về nợ chung: không yêu cầu giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn Đ do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể tự giải quyết hàn gắn tình cảm được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đ và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con chung, ông Đ thì có ý kiến muốn chia tài sản chung. Đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại lãnh thổ huyện

Châu Thành A nên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết các đương sự luôn được Tòa án đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật và các đương sự chấp hành tốt pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn Đ được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân là hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã hòa giải đoàn tụ cho hai bên nhưng nhận thấy mâu thuẫn đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, các bên xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông Đ.

[4] Xét về con chung: có 03 người con chung nhưng cháu Linh, cháu Loan đã trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân và đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Tấn M bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng khi ly hôn, tại phiên tòa ông Đ chấp nhận yêu cầu này, phù hợp với nguyện vọng của cháu Đạt nên ghi nhận và giao cháu Đạt cho bà H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn Đ không ai được quyền cản trở.

[5] Xét về tài sản chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng ông Đ có ý kiến muốn được chia tài sản chung là nhà đất hiện tại do bà H đang ở có giá trị khoảng 1.000.000.000 đồng mới đồng ý ly hôn. Nhận thấy, Tòa án đã giải thích và hướng dẫn ông Đ phải làm thủ tục yêu cầu chia tài sản chung theo quy định pháp luật nhưng ông Đ không làm đơn vì cho rằng không có tiền nộp tạm ứng án phí và chi phí tố tụng, ông Đ yêu cầu Tòa án xem xét chia tài sản chung trước cho ông, khi được chia có tiền ông sẽ nộp các khoản tạm ứng là không có căn cứ pháp luật nên về tài sản chung Hội đồng xét xử chưa giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Trần Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị H, cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn Đ là giao cho bà Trần Thị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn

M (nam), sinh ngày 12/7/2012; do bà H không yêu cầu nên ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn Đ không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: chưa giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Về nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị H phải chịu là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0012029 ngày 13/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà H đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND thị trấn Cái Tắc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm